

Bản án số: 424/2025/HS-ST
Ngày 06-8-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Đẹp;

Bà Từ Thị Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Hương Trâm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Tấn Lập - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (cơ sở B) xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 42/2025/TLST-HS ngày 18 tháng 02 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2025/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 5 năm 2025 đối với bị cáo:

Nguyễn Trọng T, sinh năm 1983 tại tỉnh Phú Yên; nơi thường trú: thôn M, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên (nay là xã H, tỉnh Đắk Lắk); nơi ở trước khi bị bắt: số 540, tổ H, khu phố C, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường L, tỉnh Đồng Nai); nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Trọng T1 (đã chết) và bà Lê Thị M, sinh năm 1955; bị cáo có vợ (không đăng ký kết hôn), có 02 người con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: không; nhân thân:

- Ngày 23/3/2004, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai tuyên phạt 10 tháng tù theo Bản án hình sự phúc thẩm số 35/HSPT về tội “Mua bán trái phép vũ khí quân dụng”.

- Ngày 11/11/2008, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai) tuyên phạt 01 năm 03 tháng tù theo Bản án hình sự sơ thẩm số 631/HSST về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Ngày 13/3/2015, Công an thành phố B, tỉnh Đồng Nai ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 118/QĐ-XPVPHC về hành vi xâm hại sức khỏe của người khác.

Bị cáo đầu thú và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/4/2024 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Trọng T:* Ông Lê Minh L - Luật sư Văn phòng L3 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B (nay là Đoàn Luật sư Thành phố H); có mặt.

- *Bị hại:*

1. Ông Nguyễn Xuân S, sinh năm 1984; địa chỉ: số A, đường T, ấp A, xã M, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Văn L1, sinh năm 1989; địa chỉ: Khu phố H, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường Đ, Thành Phố Hồ Chí Minh); vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q; địa chỉ: số A, đường N, Phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường X, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Văn V sinh năm 1979 và bà Hoàng Thị Thu H; địa chỉ: số A, đường N, Phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường X, Thành phố Hồ Chí Minh); có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

* Đối với hành vi sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức, hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông Nguyễn Văn L1 và hành vi trộm cắp tài sản do ông L1 quản lý:

Khoảng giữa năm 2022, Nguyễn Trọng T mua 01 xe ô tô hiệu Camry màu đen biển số: 51G-529.33, số khung: 3FK4H1005665, số máy: 6ARP369157 của 01 người không rõ nhân thân lai lịch với giá 400.000.000 đồng, T biết xe đang thế chấp tại Ngân hàng TMCP Q - Chi nhánh S1 nhưng do giá rẻ nên vẫn mua. Khi mua xe, T nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 51G-529.33 (bản phô tô có công chứng của Ngân hàng), giấy đăng kiểm xe (phô tô có công chứng của Ngân hàng) và giấy thế chấp (ngân hàng phô tô công chứng). Do cần tiền tiêu xài nên T nảy sinh ý định làm giả giấy tờ xe để cầm cố. Thực hiện ý định trên, T lên mạng xã hội tìm và đặt mua 01 biển số giả 60A-494.32 rồi gắn vào xe ô tô trên để thay cho biển số thật: 51G-529.33; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số: 60A-494.32, có số seri: 335792 mang tên Nguyễn Trọng T (giả); 01 giấy biên nhận thế chấp của Ngân hàng A ngày 16/11/2022. Ngày 09 tháng 12 năm 2022, T đem xe ô tô trên kèm theo toàn bộ giấy tờ giả đến Tiệm cầm đồ 79 của ông Nguyễn Văn L1 để cầm cố. Sau khi xem qua giấy tờ xe, ông L1 đồng ý nhận cầm cố xe ô tô trên với giá 200.000.000 đồng. Sau đó, ông L1 đưa xe về đậu trước nhà tại phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh) bảo quản. Đến giữa tháng 4/2023, T đến nhà ông L1 để đóng tiền lãi thì thấy xe ô tô đang để ngoài đường, không được bảo quản, xuống cấp. Thuật tức giận khi ông L1 không bảo quản xe và đang thiếu tiền tiêu xài nên khoảng 01 tuần

sau, T quay lại nhà ông L1 và lợi dụng lúc ông L1 không có ở nhà, T lén lút sử dụng chìa khóa (khi mua có 02 chìa khóa, T giữ lại 01 chìa) lấy trộm chiếc xe ô tô hiệu Camry đang gắn biển số giả 60A-494.32 mở máy, điều khiển xe chạy đi.

* Đối với hành vi sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức và hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông Nguyễn Xuân S:

Sau khi chiếm đoạt xe ô tô trên, T tiếp tục lên mạng đặt làm giả 01 biển số xe ô tô số 51A-215.39; 01 giấy biên nhận thế chấp của Ngân hàng A ngày 10/4/2023 giữa tổ chức tín dụng nhận thế chấp là Ngân hàng N - Chi nhánh T4 và người thế chấp là Nguyễn Đình T2 - thế chấp 01 xe ô tô biển số 51A-215.39; 01 giấy mua bán xe ô tô giữa Nguyễn Trọng T và Nguyễn Đình T2; 01 giấy chứng nhận kiểm định phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số DA0767032 cấp ngày 29/7/2021 của xe ô tô hiệu Camry LE biển số 51A-215.39; 01 căn cước công dân bản phô tô của ông Nguyễn Đình T2. Sau đó khi có số giấy tờ giả trên, T đem biển số 51A-215.39 gắn vào xe ô tô trên, rồi đem xe cùng số giấy tờ giả trên đến cầm cho ông Nguyễn Xuân S với số tiền 280.000.000 đồng. Sau khi nhận cầm cố xe, đến ngày 22/11/2023, ông S phát hiện giấy tờ xe là giả nên đến trình báo Cơ quan Công an. Ngày 01/4/2024, T bị Công an thành phố D mời về trụ sở làm việc, tại đây, T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

- Tại Kết luận định giá tài sản số 92/BBĐG-HĐĐGTS ngày 02 tháng 6 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự kết luận: Trị giá xe ô tô nhãn hiệu Toyota Camry màu đen gắn biển số 60A-494.32 (biển số thật: 51G-529.33) số khung 3FK4H1005665, số máy 6ARP369157 tại thời điểm bị chiếm đoạt là 610.000.000 (sáu trăm mười triệu) đồng.

- Tại Kết luận giám định số 624/KL-KTHS ngày 19 tháng 01 năm 2024 của Phòng K Công an tỉnh B kết luận: Xe ô tô nhãn hiệu Toyota Camry màu đen gắn biển số 51A-215.39, số khung 3FK4H1005665, số máy 6ARP369157 có kết quả giám định số khung, số máy xe là không đổi, không phát hiện cắt hàn, đục sửa. Chiếc xe có biển số thật 51G-529.33 do Công ty Cổ phần D đứng tên chủ sở hữu và mua từ năm 2017 dưới hình thức vay thế chấp từ Ngân hàng TMCP Q - Chi nhánh S1.

- Căn cứ Kết luận giám định số 1505/KL-KTHS ngày 31 tháng 5 năm 2024 của Phòng K Công an tỉnh B kết luận: 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 60A-494.32, có số seri 335792 tên Nguyễn Trọng T; 01 giấy biên nhận thế chấp của Ngân hàng A ngày 16/11/2022 giữa tổ chức tín dụng thế chấp là Ngân hàng N - Chi nhánh T4 và người thế chấp là Nguyễn Trọng T, thế chấp 01 xe ô tô biển số 60A-494.32, có đóng dấu mộc tròn đỏ của Ngân hàng N - Chi nhánh T4 và chữ ký của Lê Văn L2; 01 giấy biên nhận thế chấp của Ngân hàng A ngày 10/4/2023 giữa tổ chức tín dụng nhận thế chấp Ngân hàng N - Chi nhánh T4 và người thế chấp là Nguyễn Đình T2 - thế chấp 01 xe ô tô biển số: 51A-215.39, có đóng dấu mộc tròn đỏ của Ngân hàng N - Chi nhánh T4 và chữ ký của Lê Văn L2; 01 giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số DA0767032 cấp ngày 29/7/2021 của xe ô tô hiệu Camry LE, biển số 51A-215.39, có đóng dấu mộc tròn đỏ của Trung tâm Đ - Bộ

giao thông vận tải tỉnh Đ và chữ ký của giám đốc Dương Việt H1 có kết luận tất cả số giấy tờ trên (05 loại giấy tờ, tài liệu) là giả bằng phương pháp in phun màu điện tử.

- Căn cứ Kết luận giám định số 1902/KL-KTHS (TL-ĐV) ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Phòng K Công an tỉnh B kết luận 01 giấy bán xe ô tô hiệu Camry biển số 51A-215.39 ngày 2/4/2022 có chữ ký và điểm chỉ của ông Nguyễn Đình T2 là người bán và ông Nguyễn Trọng T là người mua có kết quả: Chữ ký trên giấy bán xe ngày 02/4/2022 người mua là của Nguyễn Trọng T, còn chữ ký và điểm chỉ người bán tên Nguyễn Đình T2 chưa đủ cơ sở để giám định.

* Việc thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu và xử lý vật chứng:

- 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota Camry màu đen gắn biển số 51A-215.39;
- 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số: 60A-494.32, có số seri: 335792 tên Nguyễn Trọng T, địa chỉ số E, khu phố C, A, B, Đồng Nai cấp ngày 20/12/2017 (giám định xác định đây là giấy tờ giả, lưu theo hồ sơ vụ án);
- 01 giấy biên nhận thế chấp của Ngân hàng A ngày 16/11/2022 giữa tổ chức tín dụng thế chấp là Ngân hàng N - Chi nhánh T4 và người thế chấp là Nguyễn Trọng T, sinh năm 1983, địa chỉ: số E, khu phố C, A, B, Đồng Nai, thế chấp 01 xe ô tô biển số: 60A-494.32 (giám định xác định đây là giấy tờ giả, lưu theo hồ sơ vụ án);
- 01 giấy biên nhận thế chấp của Ngân hàng A ngày 10/04/2023 giữa tổ chức tín dụng thế chấp là Ngân hàng N - Chi nhánh T4 và người thế chấp là Nguyễn Đình T2, thế chấp 01 xe ô tô biển số: 51A-215.39 (giám định xác định đây là giấy tờ giả, lưu theo hồ sơ vụ án);
- 01 giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số: DA0767032 cấp ngày 29/7/2021 của xe ô tô hiệu Camry LE, biển số: 51A-215.39 (giám định xác định đây là giấy tờ giả, lưu theo hồ sơ vụ án);
- 01 giấy bán xe ô tô hiệu Camry biển số: 51A-215.39 ngày 02/4/2022 có chữ ký và điểm chỉ của ông Nguyễn Đình T2 và ông Nguyễn Trọng T (lưu theo hồ sơ vụ án).
- 01 bản photo căn cước công dân số 042084019348, họ tên Nguyễn Đình T2 được Ủy ban nhân dân phường T chứng thực bản sao đúng với bản chính ngày 02/3/2023 (lưu theo hồ sơ vụ án);
- 01 bản photo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 093339 do Phòng C - Công an tỉnh Đ cấp ngày 09/02/2018 đối với xe ô tô biển số 51A-215.39 (lưu theo hồ sơ vụ án).
- Đối với biển số: 51A-215.39, qua xác minh xác định biển số này của chiếc xe ô tô hiệu Ford Mondeo màu đen do ông Cáp Chiến T3 (sinh năm 1973, nơi thường trú: xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh) đứng tên chủ sở hữu, hiện xe vẫn đang được ông T3 bảo quản và sử dụng;
- Đối với biển số 60A-494.32, qua xác minh xác định biển số này của chiếc xe ô

tô hiệu Kia Morning màu xanh do ông Vương Văn P (sinh năm 1987, nơi thường trú: xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai) đứng tên chủ sở hữu, hiện chiếc xe vẫn đang được ông P bảo quản và sử dụng.

- Xe ô tô hiệu Camry màu đen có số khung: 3FK4H1005665, số máy: 6ARP369157 biển số thật là 51G-529.33 của Công ty Cổ phần D có địa chỉ tại: Tầng L, 1 L, Phường G, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh mua từ năm 2017 dưới hình thức vay thế chấp từ Ngân hàng TMCP Q, thời hạn thanh toán trong vòng 60 tháng. Tuy nhiên đã hết thời hạn thanh toán nhưng Công ty D đã không hoàn thành nghĩa vụ trả gốc và lãi theo hợp đồng nên Ngân hàng TMCP Q đã khởi kiện tại Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh và đã được giải quyết bằng Bản án số 24/2023/KDTM-ST ngày 17/8/2023, buộc Công ty D phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền gốc và lãi cho Ngân hàng TMCP Q, tổng cộng 1.268.790.023 (một tỷ hai trăm sáu mươi tám triệu bảy trăm chín mươi nghìn không trăm hai mươi ba) đồng, trường hợp không thanh toán hoặc thanh toán không đủ thì Ngân hàng TMCP Q được quyền yêu cầu phát mãi tài sản là chiếc xe ô tô nêu trên. Căn cứ vào bản án nêu trên, Ngân hàng TMCP Q đã tiến hành nhận lại tài sản. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại xe ô tô trên cho Ngân hàng TMCP Q.

- Đối với 02 biển số giả số 51A-215.39, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B thu giữ, đề nghị Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với 02 biển số giả số 60A-494.32, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B tiến hành tìm kiếm nhưng không thu giữ được.

* Về trách nhiệm dân sự:

- Ông Nguyễn Xuân S yêu cầu bị cáo Nguyễn Trọng T hoàn trả số tiền 280.000.000 đồng mà ông S đã đưa cho T để cầm cố chiếc xe ô tô.

- Ông Nguyễn Văn L1 yêu cầu bị cáo Nguyễn Trọng T bồi thường số tiền 200.000.000 đồng mà ông L1 đã đưa cho T để cầm cố chiếc xe ô tô, bị cáo đã trả lại cho ông L1 20.000.000 đồng, ông L1 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền còn lại là 180.000.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 76/CT-VKSBD-P2 ngày 17/02/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương (nay là Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh) truy tố bị cáo Nguyễn Trọng T các tội “Trộm cắp tài sản”; tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 173; điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày luận tội đối với bị cáo, trong đó có nội dung: vẫn giữ nguyên nội dung cáo trạng đã truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương (nay là Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh) đối với bị cáo. Căn cứ vào lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, lời khai của bị hại, người làm

chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị cáo là người có nhân thân xấu. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 4 Điều 173, điểm a khoản 3 Điều 174, điểm b khoản 3 Điều 341, điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo mức hình phạt từ 12 năm đến 13 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, từ 07 năm đến 08 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, từ 03 năm đến 04 năm về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt của 03 tội buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung từ 22 năm đến 25 năm tù.

** Bị cáo đồng ý và thống nhất với luận tội của Viện kiểm sát, không đề nghị Luật sư trình bày bào chữa cho bị cáo.*

Trong lời nói sau cùng, bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo mức án thấp để bị cáo có cơ hội sớm được hòa nhập với xã hội, đoàn tụ với gia đình; bị cáo xin hứa sẽ cải tạo tốt thành người có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an tỉnh B (nay là Cơ quan Điều tra Công an Thành phố H), Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương (nay là Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh), Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo, bị cáo, bị hại không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt. Tuy nhiên, những người này đã có lời khai thể hiện trong hồ sơ và được công bố tại phiên tòa, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của bị cáo và đề nghị của Viện kiểm sát, xét xử vắng mặt những người này.

[3] Về nội dung: tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, các kết luận giám định, lời khai của các bị hại, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: khoảng giữa năm 2022, bị cáo Nguyễn Trọng T mua xe Camry mang biển số 51G-529.33, số khung 3FK4H1005665, số máy 6ARP369157, xe đang thế chấp tại Ngân hàng TMCP Q (Chi nhánh S1). Sau đó, bị cáo T đặt mua 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số: 60A-494.32, có số seri: 335792 mang tên Nguyễn Trọng T (giả), 01 biển số giả 60A-494.32 để gắn vào xe ô tô trên, dùng giấy tờ giả cầm cố và chiếm đoạt

của ông Nguyễn Văn L1 số tiền 200.000.000 đồng. Sau đó, bị cáo T đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt xe ô tô nêu trên do ông L1 quản lý, cầm cố (trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 610.000.000 đồng). Bị cáo tiếp tục lên mạng xã hội đặt mua 01 biển số xe ô tô số 51A-215.39 (giả) để gắn vào xe ô tô trên, 01 giấy biên nhận thế chấp của Ngân hàng, 01 giấy mua bán xe ô tô giữa Nguyễn Trọng T và Nguyễn Đình T2, 01 giấy chứng nhận kiểm định, 01 căn cước công dân bản photo của ông Nguyễn Đình T2, rồi sử dụng giấy tờ giả và xe ô tô gắn biển số giả trên cầm cố cho ông Nguyễn Xuân S để chiếm đoạt số tiền 280.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo Nguyễn Trọng T thực hiện đã đủ các yếu tố cấu thành các tội “Trộm cắp tài sản”; “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 173, điểm a khoản 3 Điều 174, điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương (nay là Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh) truy tố bị cáo với tội danh, điều khoản nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét hành vi của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của các bị hại được pháp luật bảo vệ và xâm phạm trật tự quản lý hành chính của Nhà nước. Về nhận thức, bị cáo nhận thức rõ hành vi dùng thủ đoạn cung cấp thông tin để làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; đưa thông tin gian dối; lén lút chiếm đoạt tài sản của các bị hại là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, bất chấp hậu quả xảy ra. Hiện nay trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, tội phạm xâm phạm trật tự quản lý hành chính Nhà nước, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản với giá trị tài sản lớn ngày càng gia tăng với nhiều thủ đoạn tinh vi và diễn biến phức tạp, gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Do vậy, cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ thực hiện tội phạm nhằm có tác dụng giáo dục, răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối: trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; đã bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại ông Nguyễn Văn L1 20.000.000 đồng là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về tội danh, điều luật, các tình tiết giảm nhẹ và mức hình phạt là phù hợp, có căn cứ chấp nhận.

[8] Ý kiến của người bào chữa: do bị cáo không yêu cầu người bào chữa bào chữa cho bị cáo nên người bào chữa thống nhất đề nghị của bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại yêu cầu bị cáo Nguyễn Trọng T trả lại tiền chiếm đoạt, cụ thể: Ông Nguyễn Xuân S 280.000.000 đồng; ông Nguyễn Văn L1 180.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý yêu cầu của các bị hại. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về xử lý vật chứng: căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Tịch thu tiêu hủy công cụ bị cáo sử dụng vào việc phạm tội hiện không còn giá trị sử dụng: 02 biển số xe bằng kim loại số 51A-215.39.

[11] Về án phí sơ thẩm: bị cáo phạm tội và bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Ngoài ra, bị cáo còn có trách nhiệm bồi thường chi phí điều trị, tổn thất tinh thần cho bị hại nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục Án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng T 12 (mười hai) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”;

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng T 08 (tám) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 341; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng T 03 (ba) năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Căn cứ Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Tổng hợp hình phạt của 03 tội, buộc bị cáo phải chấp hành chung là 23 (hai mươi ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01/4/2024.

2. Căn cứ các Điều 584, 585, 589, 590 và Điều 593 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho các bị hại 460.000.000 đồng, cụ thể: ông Nguyễn Xuân S 280.000.000 (hai trăm tám mươi triệu) đồng; ông Nguyễn Văn L1 180.000.000 (một trăm tám mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

- Tịch thu tiêu hủy: 02 (hai) biển số xe bằng kim loại số 51A-215.39 (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/02/2025 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương (nay là Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh)).

4. Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Nguyễn Trọng T phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Trọng T phải chịu 22.400.000 (hai mươi hai triệu bốn trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (vụ GDKT 1);
- Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM (cơ sở 2);
- Trại tạm giam số 2 - Công an TP.HCM;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.HCM;
- Phòng PV06 - Công an TP.HCM;
- Thi hành án dân sự TP.HCM;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án, VT. 20. (54).

Nguyễn Huỳnh Đức

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Đẹp

Từ Thị Nga

Nguyễn Huỳnh Đức

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (vụ GĐKT 1);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Trại Tạm giam - Công an tỉnh Bình Dương;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương;
- Phòng PV06 - Công an tỉnh Bình Dương;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác (4);
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP (04), HTHT (23).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Huỳnh Đức